

Số: 2278/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch Phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23/11/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;


Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 500/TTr-STNMT ngày 12/9/2019,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Kế hoạch Phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Bộ TNMT;
 - TTTU, TT HĐND tỉnh;
 - Tổng cục KTTV;
 - Như Điều 3;
 - Chủ tịch, các PCT;
 - CVP, các PCVP;
 - Công GT TTĐT tỉnh;
 - CV NCTH;
 - Lưu: VT, NN4.
- (H- 50 b) 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khước

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 9 năm 2019

KẾ HOẠCH

Phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 19/9/2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới trạm quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính khoa học và hiện đại, đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu một cách đầy đủ, kịp thời phục vụ tốt nhất công tác cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn (KTTV);

- Nâng cao năng lực phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và các nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Xây dựng, phát triển có trọng tâm, trọng điểm hệ thống mạng lưới quan trắc đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm tính đồng bộ với mạng lưới quốc gia;

- Việc phát triển mạng lưới quan trắc KTTV chuyên dùng phải có tính kế thừa, tận dụng và phát huy tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ quan trắc viên hiện có.

II. NỘI DUNG

1. Nhu cầu khai thác thông tin dữ liệu KTTV và khả năng đáp ứng của mạng lưới quốc gia

a) Nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh

Theo đánh giá của Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO), thông thường cứ đầu tư cho việc sử dụng thông tin KTTV một thì lợi ích thu lại gấp năm đến mười lần. Thực tế cho thấy, hiệu quả của việc sử dụng thông tin KTTV là rất lớn, có khi còn là vô giá, vì chúng liên quan cả tới tính mạng con người và rất nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, cơ quan, tổ chức và cả từng cá nhân, hộ gia đình đều có các nhu cầu về thông tin, dữ liệu KTTV.

Đối với Vĩnh Phúc cũng như với các địa phương khác, thông tin, dữ liệu KTTV đặc biệt quan trọng, không những phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, nó còn phục vụ cho việc xây dựng các định hướng, chính sách và đưa ra những quyết định tốt nhất cho việc xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực.

Trong hoạt động phòng chống thiên tai như bão, lũ, mưa lớn, hạn hán, nắng nóng... các bản tin dự báo, cảnh báo kịp thời, chính xác là những công cụ hết sức hữu hiệu trong việc phòng chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai. Hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng đòi hỏi thường xuyên phải có thông tin KTTV, các bản tin cảnh báo, dự báo để phục vụ cho việc điều hành sản xuất, bảo vệ mùa màng.

Trong hoạt động xây dựng các công trình kiến trúc, giao thông vận tải, hệ thống đê điều, công trình thủy lợi... không thể không có thông tin về KTTV từ trong quá trình quy hoạch, thiết kế, xây dựng đến vận hành. Đối với quốc phòng- an ninh, thông tin KTTV cũng rất quan trọng trong phụ vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Đối với lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các thông tin KTTV có vai trò rất quan trọng trong việc đưa ra các biện pháp phòng, chống dịch bệnh do thời tiết...

Có thể thấy rằng, thông tin dữ liệu về KTTV rất quan trọng và không thể thiếu trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ đời sống nhân dân của Vĩnh Phúc. Việc khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu KTTV không chỉ buộc phải thực hiện theo các quy định của pháp luật mà còn do nhu cầu cần thiết của đời sống xã hội trong quá trình phát triển.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng phức tạp, xã hội càng phát triển thì nhu cầu cung cấp thông tin KTTV trên địa bàn Vĩnh Phúc càng đòi hỏi phải đầy đủ, kịp thời, chính xác và chi tiết hơn.

b) Đánh giá khả năng đáp ứng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn của mạng lưới trạm quốc gia đối với yêu cầu, mục đích riêng

Mạng lưới trạm KTTV quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện tại gồm có 10 trạm, trong đó có 02 trạm khí tượng, 01 trạm thủy văn và 07 trạm đo mưa. Ngoài ra, theo Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 thì đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh sẽ có thêm 08 trạm đo mưa. Các trạm này do Đài KTTV Vĩnh Phúc (trực thuộc Đài KTTV khu vực Việt Bắc) quản lý, khai thác.

Hệ thống trạm khí tượng quốc gia trên địa bàn tỉnh gồm có Trạm Vĩnh Yên (đặt tại Phường Liên Bảo - Thành phố Vĩnh Yên), thành lập từ năm 1959; trạm Tam Đảo (tại thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo) thành lập vào năm 1961. Hệ thống điểm đo mưa độc lập (chỉ đo lượng mưa) có 07 trạm được đặt trên địa bàn các huyện Tam Dương, Vĩnh Tường, Bình Xuyên, Lập Thạch, Tam Đảo và Thị xã Phúc Yên (có 02 trạm).

Đối với trạm thủy văn quốc gia, hiện chỉ có 01 trạm thủy văn cấp II (trạm Quảng Cư), được đặt ở thôn Quảng Cư, xã Quang Sơn, huyện Lập Thạch bên bờ phải sông Phó Đáy, thuộc hệ thống sông Hồng. Trạm thực hiện quan trắc các yếu tố mực nước, nhiệt độ nước, nhiệt độ không khí, lượng mưa, lưu lượng nước.

Như vậy, trên địa bàn toàn tỉnh mật độ của hệ thống trạm khí tượng, thủy văn trung ương chỉ đáp ứng được yêu cầu dự báo trên diện rộng, mang tính chất đại diện, chưa đảm bảo cụ thể, chi tiết để phục vụ cho các yêu cầu, mục đích riêng của tỉnh.

Đối với hệ thống trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh, đến thời điểm hiện tại có 02 trạm khí tượng, trong đó có 01 trạm của Chi cục Kiểm lâm quản lý, sử dụng phục vụ cho công tác phòng chống cháy rừng, 01 trạm đo gió của Công ty CP đầu tư Lạc Hồng phục vụ cho mục đích riêng của doanh nghiệp là vận hành cáp treo Tây Thiên.

Ngoài ra, các Công ty TNHH MTV Thủy lợi trên địa bàn tỉnh hiện đang quản lý vận hành 36 trạm đo mưa, 34 trạm thủy văn (đo mực nước ở các công trình kênh mương thủy lợi). Việc quy hoạch, bố trí, lắp đặt các trạm quan trắc KTTV này chưa thực hiện một cách bài bản, hợp lý; số liệu quan trắc chỉ đáp ứng chủ yếu cho các mục đích của đơn vị quản lý (hoạt động tưới tiêu là chính), chưa đúng theo định dạng quy định để sử dụng phục vụ cho công tác cảnh báo, dự báo KTTV.

(Thông tin cụ thể hiện trạng mạng lưới KTTV chuyên dùng thể hiện tại Phụ lục I).

Nói chung, hệ thống trạm KTTV quốc gia và hệ thống trạm chuyên dùng của tỉnh hiện tại chưa thể đáp ứng tốt cho công tác cảnh báo, dự báo KTTV trên địa bàn tỉnh, chưa đảm bảo phục vụ một cách hữu hiệu cho công tác phòng chống thiên tai cũng như việc cung cấp thông tin, dữ liệu cho các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

2. Lộ trình và kế hoạch phát triển mạng lưới

a) Giai đoạn 2019 - 2025

*** Nhiệm vụ**

- Hoàn thiện cơ bản mạng lưới KTTV chuyên dùng; từng bước hình thành hệ thống cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu KTTV hiện đại giữa mạng lưới KTTV trung ương và mạng lưới KTTV chuyên dùng của tỉnh;

- Bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh các chỉ tiêu quan trắc đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ quan trắc KTTV; hoàn thiện phương pháp quan trắc phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia;

- Nâng cấp cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, bảo đảm thông tin thông suốt, đồng bộ, có hệ thống và độ tin cậy cao; tạo lập, quản lý và khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quan trắc KTTV;

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung đội ngũ quan trắc viên đáp ứng yêu cầu thực tế.

*** Kế hoạch phát triển**

(1) Trạm quan trắc khí tượng:

- Duy trì số lượng trạm đã có: 01 trạm (Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và PTNT).

- Dự kiến phát triển đến năm 2025:
- + Số lượng **03** trạm.
- + Công nghệ: Quan trắc tự động.
- + Yếu tố quan trắc: Nhiệt độ không khí, lượng mưa, hướng và tốc độ gió, độ ẩm.

(2) Trạm quan trắc thủy văn kết hợp quan trắc lượng mưa:

- Duy trì số lượng trạm đã có: 36 trạm đo mưa, 34 trạm thủy văn;
- Dự kiến phát triển thêm đến năm 2025:
- + Số lượng: **10** trạm;
- + Công nghệ: Quan trắc tự động;
- + Yếu tố quan trắc: Mực nước, Lượng mưa.

b) Giai đoạn 2026 – 2030

** Nhiệm vụ*

- Tiếp tục phát triển mạng lưới trạm tại các vùng trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội, các vùng sinh thái nhạy cảm với môi trường trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng công tác quan trắc, dự báo, cảnh báo KTTV;
- Tăng cường năng lực đội ngũ quan trắc viên và cán bộ quản lý, đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động của mạng lưới quan trắc KTTV tỉnh;
- Nâng cấp cơ sở dữ liệu KTTV, bảo đảm thông tin thông suốt, đồng bộ, có độ tin cậy cao, phù hợp tiến trình phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

** Kế hoạch phát triển*

- Duy trì, cải tạo, nâng cấp số lượng trạm đã có.
- Trạm quan trắc thủy văn kết hợp quan trắc lượng mưa:
- + Số lượng cần phát triển thêm đến năm 2030: **13** trạm;
- + Công nghệ: Quan trắc tự động;
- + Yếu tố quan trắc: Mực nước; Lượng mưa.
- Trạm quan trắc lượng mưa:
- + Số lượng cần phát triển thêm đến năm 2030: **05** trạm;
- + Công nghệ: Quan trắc tự động;
- + Yếu tố quan trắc: Lượng mưa.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện

a) Về chính sách pháp luật, kiện toàn tổ chức bộ máy:

- Xây dựng và ban hành các văn bản qui định về việc quản lý, khai thác, chia sẻ thông tin dữ liệu quan trắc của mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng giữa

các sở, ngành, các chủ công trình có hoạt động quan trắc KTTV và cơ quan KTTV trung ương;

- Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý về KTTV ở các cấp, các ngành; đào tạo bổ sung đội ngũ quan trắc viên, kỹ thuật viên đáp ứng yêu cầu thực tế.

b) Về xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ quan trắc:

- Ưu tiên đầu tư xây dựng mạng lưới trạm KTTV ở các vùng có mật độ mạng lưới chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế;

- Hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật đi đôi với việc đầu tư trang thiết bị và công nghệ hiện đại cho các hoạt động quan trắc, truyền tin, xử lý, quản lý và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV;

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ quan trắc, truyền tin, xử lý, quản lý và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Về nguồn lực thực hiện

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quan trắc về KTTV đáp ứng yêu cầu vận hành của từng trạm, điểm quan trắc và toàn bộ mạng lưới.

- Mở rộng hợp tác quốc tế: Tăng cường kêu gọi và tranh thủ tối đa sự hỗ trợ quốc tế về tài chính, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, thông tin, kinh nghiệm của các quốc gia trong hoạt động quan trắc KTTV.

- Tăng cường và đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư:

+ Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng, trong đó nguồn ngân sách của tỉnh đóng vai trò chủ đạo. Huy động tối đa các nguồn vốn từ các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh để phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng;

+ Bố trí nguồn vốn hợp lý cho việc đầu tư phát triển mạng lưới và công tác vận hành, duy tu, bảo dưỡng các trạm KTTV chuyên dùng phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

2. Trách nhiệm thực hiện

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đôn đốc, hướng dẫn các sở, ngành, đơn vị thực hiện đầy đủ các nội dung Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và môi trường;

- Thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành rà soát hệ thống mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh để tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy chế phối hợp quản lý hoạt động KTTV trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về hoạt động KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang an toàn kỹ thuật công trình KTTV chuyên dùng; tổ chức, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý, bảo vệ công trình KTTV chuyên dùng;

- Tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, khai thác thông tin, dữ liệu KTTV trên địa bàn tỉnh theo qui định của pháp luật.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Căn cứ nội dung Kế hoạch, chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định vị trí cụ thể các trạm quan trắc, lập dự án xây dựng các trạm KTTV chuyên dùng theo lộ trình đã được phê duyệt; thực hiện việc bàn giao cho các đơn vị chức năng quản lý, sử dụng;

- Xây dựng quy trình quản lý, vận hành cho các trạm KTTV chuyên dùng; tổ chức quản lý và khai thác hiệu quả mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng thuộc thẩm quyền, trách nhiệm; thường xuyên rà soát hệ thống mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng để đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp yêu cầu nhiệm vụ;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện việc quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV theo đúng quy định của pháp luật về KTTV.

c) Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

Phối hợp chặt chẽ với Đài KTTV Vĩnh Phúc và các trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh, tiếp nhận và khai thác thông tin, dữ liệu KTTV, kịp thời tham mưu Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm, cứu nạn tỉnh chỉ đạo các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai đến các sở, ngành, địa phương và nhân dân trên địa bàn tỉnh để chủ động phòng tránh.

d) Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Vĩnh Phúc

- Phối hợp với các Sở, Ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn tỉnh và các chủ công trình KTTV chuyên dùng, thực hiện việc thu nhận và cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh;

- Giúp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc rà soát hệ thống mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế;

- Tham gia phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra các công trình KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

e) Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Cân đối, bố trí, phân bổ các nguồn vốn để thực hiện việc phát triển mạng lưới trạm; tham mưu UBND tỉnh, hàng năm bố trí nguồn vốn phù hợp cho việc vận hành, duy tu, bảo dưỡng các trạm KTTV chuyên dùng;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích.

g) Các sở, ngành liên quan

- Thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về KTTV trong khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phát triển của ngành, lĩnh vực;

- Đề xuất với UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) xây dựng các trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế của ngành, lĩnh vực.

h) UBND các huyện, thành phố

- Có trách nhiệm chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn tạo điều kiện về vị trí, mặt bằng để triển khai xây dựng, lắp đặt các trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn;

- Có trách nhiệm phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài KTTV tỉnh Vĩnh Phúc trong việc bảo vệ hành lang kỹ thuật các công trình KTTV chuyên dùng được lắp đặt trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn trong việc xử lý, giải quyết các vi phạm công trình KTTV chuyên dùng.

i) Các chủ công trình KTTV chuyên dùng

- Thực hiện nghiêm chỉnh việc quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV theo quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn và các quy định liên quan khác;

- Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác có hiệu quả trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng được giao quản lý, sử dụng; định kỳ cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc và báo cáo kết quả hoạt động quan trắc KTTV chuyên dùng cho các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật;

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quan trắc viên.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Kế hoạch nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

KT. CHỦ TỊCH
BHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khước

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch Phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

PHỤ LỤC I.

MẠNG LƯỚI TRẠM QUAN TRẮC KTTV CHUYÊN DỤNG HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Trạm quan trắc khí tượng

TT	Tên Trạm	Vị trí công trình	Địa chỉ	Yếu tố quan trắc	Đơn vị quản lý, khai thác	Ghi chú
1	Cáp treo Tây Thiên	Cột T9, Công trình cáp treo Tây Thiên	Xã Đại Đình, H. Tam Đảo	Hướng và tốc độ gió	Cty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng	Thực vụ hoạt động của hệ thống cáp treo - Phải thực hiện quan trắc theo NĐ 38
2	Hạt Kiểm lâm Lập Thạch	Trụ sở Trạm Kiểm lâm Bắc Bình	Xã Bắc Bình, H. Lập Thạch	Nhiệt độ không khí, lượng mưa, hướng và tốc độ gió, độ ẩm	Chi cục Kiểm lâm Vĩnh Phúc	Cảnh báo, phòng chống cháy rừng

2. Trạm quan trắc thủy văn

TT	Tên trạm	Vị trí công trình	Địa chỉ	Số lượng Trạm	Đơn vị quản lý, khai thác	Ghi chú
1	Bạch Hạc	Trạm bơm Bạch Hạc	Thôn Việt An, xã Việt Xuân, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn	Có kèm quan trắc mưa
2	Cao Đại	Trạm bơm Đại Đình	Xã Cao Đại, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn	
3	Vĩnh Thịnh	Trạm bơm Liễu Tri	TT. Vĩnh Tường, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn	Có kèm quan trắc mưa
4	Thái Hòa	Đập Liên Sơn	Xã Thái Hòa, H. Lập Thạch	02	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn	
5	Cao Đại	Trạm bơm Cao Đại	Xã Cao Đại, H. Vĩnh Tường	02	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn	

TT	Tên trạm	Vị trí công trình	Địa chỉ	Số lượng Trạm	Đơn vị quản lý, khai thác	Ghi chú
6	Vĩnh Sơn	Đập tràn Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễu Sơn	
7	Đông Cương	Đập tràn Lạc Ý	Xã Đông Cương, H. Yên Lạc	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễu Sơn	
8	Hương Canh	Cống Sáu Vó	TT Hương Canh, H. Bình Xuyên	02	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễu Sơn	
9	Vân Hội	Đập tràn Vân Tập	Xã Vân Hội, H. Tam Dương	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễu Sơn	Có kèm quan trắc mưa
10	Minh Quang	Hồ Xạ Hương	Xã Minh Quang, Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Có kèm quan trắc mưa - Phải thực hiện quan trắc theo NĐ 38
11	Hồ Sơn	Hồ Làng Hà	Xã Hồ Sơn, Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Có kèm quan trắc mưa
12	Đạo Trù	Hồ Vĩnh Thành	Xã Đạo Trù, Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Có kèm quan trắc mưa
13	Trung Mỹ	Hồ Thanh Lanh	Xã Trung Mỹ, Bình Xuyên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Có kèm quan trắc mưa - Phải thực hiện quan trắc theo NĐ 38
14	Minh Quang	Hồ Bán Long	Xã Minh Quang, Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Có kèm quan trắc mưa
15	Đạo Trù	Hồ Đồng Mỏ	Xã Đạo Trù, H. Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	Có kèm quan trắc mưa - Phải thực hiện quan trắc theo NĐ 38
16	Vân Trục	Hồ Vân Trục	Xã Vân Trục, H. Lập Thạch	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	Có kèm quan trắc mưa
17	Lãng Công	Hồ Suối Sỏi	Xã Lãng Công, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	Có kèm quan trắc mưa
18	Đồng Quế	Hồ Bò Lạc	Xã Đồng Quế, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	Có kèm quan trắc mưa

TT	Tên trạm	Vị trí công trình	Địa chỉ	Số lượng Trạm	Đơn vị quản lý, khai thác	Ghi chú
19	Cao Phong	Trạm bơm Cao Phong I	Xã Cao Phong, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
20	Sơn Đông	Trạm bơm Phú Đa	Xã Sơn Đông, H. Lập Thạch	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
21	Đức Bác	Trạm bơm Thượng Thọ	Xã Đức Bác, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
22	Tam Sơn	Trạm bơm Then I	TT. Tam Sơn, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
23	Yên Thạch	Trạm bơm Đọ	Xã Yên Thạch, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
24	Phương Khoan	Trạm bơm Phương Khoan	Xã Phương Khoan, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
25	Đôn Nhân	Trạm bơm Đôn Nhân	Xã Đôn Nhân, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
26	Đức Bác	Trạm bơm Thôn Thượng	Xã Đức Bác, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
27	Hải Lựu	Trạm bơm Bến Cháy	Xã Hải Lựu, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
28	Ngọc Thanh	Hồ Đại Lải	Xã Ngọc Thanh, TP. Phúc Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	Có kèm quan trắc mưa- Phải thực hiện quan trắc theo ND 38
29	Ngọc Thanh	Hồ Lập Đình	Xã Ngọc Thanh, TP. Phúc Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	Có kèm quan trắc mưa
30	Tiền Châu	Cà Lò Cụt (Cầu Tiền Châu)	Xã Tiền Châu, TP. Phúc Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	
31	Nam Viêm	Cà Lò Sồng (Đập tràn Cầu Sắt)	Xã Nam Viêm, TP. Phúc Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	

3. Trạm quan trắc lượng mưa

TT	Tên trạm	Vị trí công trình	Địa chỉ	Số lượng Trạm	Đơn vị quản lý, khai thác	Ghi chú
1	Thái Hòa	XN Thủy lợi	Thôn Móng Cầu, xã Thái Hòa, H. Lập Thạch	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
2	Liên Hòa	Cụm Liên Hòa	Xã Liên Hòa, H. Lập Thạch	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
3	Đạo Tú	Cụm Đạo Tú	Xã Đạo Tú, H. Tam Dương	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
4	Vân Hội	Cụm Vân Tập	Thôn Vân Tập, xã Vân Hội, H. Tam Dương	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
5	Chấn Hưng	Cụm Hướng Lại	Xã Chấn Hưng, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
6	Bồ Sao	Cụm Toa Đen	Xã Bồ Sao, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
7	Vũ Di	Cụm An Cát	Xã Vũ Di, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
8	Đại Tự	Cụm Đại Tự	Xã Đại Tự, H. Yên Lạc	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
9	TT Yên Lạc	XN Thủy lợi Yên Lạc	TT Yên Lạc, H. Yên Lạc	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
10	Nguyệt Đức	Cụm Đình Xá	Thôn Đình Xá, xã Nguyệt Đức, H. Yên Lạc	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
11	Vĩnh Thịnh	Trạm bơm Liễu Trì	Xã Vĩnh Thịnh, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
12	Tân Cương	Cụm Tân Cương	Xã Tân Cương, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	
13	Hương Canh	Trạm bơm Đầm Cỏ	TT. Hương Canh, H. Bình Xuyên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn	

TT	Tên trạm	Vị trí công trình	Địa chỉ	Số lượng Trạm	Đơn vị quản lý, khai thác	Ghi chú
14	Phú Xuân	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Xã Phú Xuân, H. Bình Xuyên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn	
15	Đồng Tâm	VP Xí nghiệp Vĩnh Yên	Xã Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn	
16	Khai Quang	Trụ sở Công ty	Xã Khai Quang, TP. Vĩnh Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn	
17	Bạch Hạc	Trạm bơm Bạch Hạc	Thôn Việt An, xã Việt Xuân, H. Vĩnh Tường	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn	
18	Hợp Châu	Trụ sở Công ty	Xã Hợp Châu, H. Bình Xuyên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	
19	Minh Quang	Hồ Xạ Hương	Xã Minh Quang, H. Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	
20	Đạo Trù	Hồ Vĩnh Thành	Xã Đạo Trù, H. Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	
21	Trung Mỹ	Hồ Thanh Lanh	Xã Trung Mỹ, H. Bình Xuyên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	
22	Hồ Sơn	Hồ Làng Hà	Xã Hồ Sơn, H. Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	
23	Gia Khánh	Xí nghiệp Gia Khau	Xã Gia Khánh, H. Bình Xuyên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	
24	Minh Quang	Hồ Bán Long	Xã Minh Quang, H. Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	
25	Đạo Trù	Hồ Đồng Mỏ	Xã Đạo Trù, H. Tam Đảo	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	
26	TT Lập Thạch	Trụ sở Công ty	TT Lập Thạch, H. Lập Thạch	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
27	Lăng Công	Hồ Suối Sỏi	Xã Lăng Công, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
28	Vân Trục	Hồ Vân Trục	Xã Vân Trục, H. Lập Thạch	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	

TT	Tên trạm	Vị trí công trình	Địa chỉ	Số lượng Trạm	Đơn vị quản lý, khai thác	Ghi chú
29	Đồng Quế	Hồ Bò Lạc	Xã Đồng Quế, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
30	Quang Sơn	Xí nghiệp Quang Sơn	Xã Quang Sơn, H. Lập Thạch	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
31	Cao Phong	XN Cao Phong	Xã Cao Phong, H. Sông Lô	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
32	Tam Sơn	XN Then	Xã Tam Sơn, H. Lập Thạch	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch	
33	Hùng Vương	Trụ sở Công ty	P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	
34	Ngọc Thanh	Hồ Đại Lải	Xã Ngọc Thanh, TP. Phúc Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	
35	Ngọc Thanh	Hồ Lập Đình	Xã Ngọc Thanh, TP. Phúc Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	
36	Ngọc Thanh	Thanh Lộc	Xã Ngọc Thanh, TP. Phúc Yên	01	Cty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	

4. Trạm quan trắc môi trường

TT	Tên Trạm	Vị trí công trình	Địa chỉ	Yếu tố quan trắc	Đơn vị quản lý, khai thác	Ghi chú
1	Quan trắc môi trường không khí	Trụ sở Sở TNMT	P. Đồng Đa, TP. Vĩnh Yên	Nhiệt độ không khí, Độ ẩm, Tốc độ Gió, Hướng gió, NO-NO ₂ -NO _x , NH ₃ , H ₂ S, SO ₂ , CO, O ₃ , VOC, Bụi (PM ₁₀ , PM _{2.5})	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Quan trắc môi trường không khí	Trụ sở UBND TP	P. Trưng Trắc, TP. Phúc Yên	Nhiệt độ không khí, Độ ẩm, Áp suất, Tốc độ Gió, Hướng gió, lượng mưa, bức xạ mặt trời; NO-NO ₂ -NO _x , SO ₂ , CO, O ₃ , VOC, Bụi	Sở Tài nguyên và Môi trường	

TT	Tên Trạm	Vị trí công trình	Địa chỉ	Yếu tố quan trắc	Đơn vị quản lý, khai thác	Ghi chú
				(TSP, PM10, PM2.5, PM1)		
3	Quan trắc môi trường không khí	Nhà Thi đấu Thể thao huyện	TT. Yên Lạc, H. Yên Lạc	Nhiệt độ không khí, Độ ẩm, Áp suất, Tốc độ Gió, Hướng gió, Lượng mưa, bức xạ mặt trời; NO-NO2-NOx, SO2, CO, O3, VOC, Bụi (TSP, PM10, PM2.5, PM1)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
4	Quan trắc nước thải	Trạm xử lý nước thải TP. Vĩnh Yên	Xã Quất Lưu, H. Bình Xuyên	Nhiệt độ, pH, COD, TSS, Màu, Lưu lượng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quan trắc yếu tố KTTV
5	Quan trắc nước Sông Phan	Thôn Vị Thanh	Xã Thanh Trù, TP. Vĩnh Yên	Nhiệt độ nước, pH, DO, TSS, COD, NH4, NO3	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quan trắc yếu tố KTTV
6	Quan trắc nước Sông Cà Lồ	Cầu Xuân Phương	Xã Phúc Thắng, TP. Phúc Yên	Nhiệt độ nước, pH, DO, TSS, COD, NH4, NO3	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quan trắc yếu tố KTTV

5. Danh mục công trình phải quan trắc KTTV theo quy định tại Điều 3, Nghị định 38/2016/NĐ-CP

TT	Tên Công trình	Vị trí, địa điểm	Chủ Công trình	
1	Cáp treo Tây Thiên	Xã Đại Đình, H. Tam Đảo	Cty CP Đầu tư Lạc Hồng	
2	Vườn Quốc gia Tam Đảo	Xã Hồ Sơn, H. Tam Đảo	Vườn Quốc gia Tam Đảo	Chưa thực hiện do chưa được đầu tư
3	Hồ Đại Lải	Xã Ngọc Thanh, TP. Phúc Yên	C.ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên	

4	Hồ Xạ Hương	Xã Minh Quang, H. Tam Đảo	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Tam Đảo	
5	Hồ Đồng Mô	Xã Đạo Trù, H. Tam Đảo		
6	Hồ Thanh Lanh	Xã Trung Mỹ, H. Bình Xuyên		

5

PHỤ LỤC II.
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LUỚI TRẠM KTTV CHUYÊN DÙNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. GIAI ĐOẠN 2019 - 2025

1. Trạm quan trắc khí tượng

TT	Tên Trạm	Địa chỉ	Yếu tố quan trắc	Ghi chú
1	Tam Sơn	Thị trấn Tam Sơn, H. Sông Lô	Nhiệt độ không khí, Mưa, Hướng và Tốc độ gió, Độ ẩm	
2	Vĩnh Tường	Thị trấn Vĩnh Tường, H. Vĩnh Tường	Nhiệt độ không khí, Mưa, Hướng và Tốc độ gió, Độ ẩm	
3	Khu CN Phúc Yên	Xã Nam Viên, TP Phúc Yên	Nhiệt độ không khí, Mưa, Hướng và Tốc độ gió, Độ ẩm	

2. Trạm quan trắc thủy văn kết hợp quan trắc lượng mưa

TT	Tên Trạm	Địa chỉ	Sông	Yếu tố quan trắc	Ghi chú
1	Cầu Mũi	Xã Thanh Trù, TP. Vĩnh Yên	Sông Phan	Mức nước, Lượng mưa	Kiểm soát lượng nước gia nhập sông Phan của Đầm Vạc
2	Cầu Oai	P. Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên	Kênh Bến Tre	Mức nước, Lượng mưa	
3	Cầu Gạo	Xã Đồng Ích, H. Lập Thạch	Sông Phó Đáy	Mức nước, Lượng mưa	
4	Cầu Xuân Phương	P. Phúc Thắng, TP. Phúc Yên	Sông Cà Lò	Mức nước, Lượng mưa	
5	Thịnh Kỳ	Xã Tiền Châu, TP. Phúc Yên	Sông Cà Lò	Mức nước, Lượng mưa	Tại khu vực thôn Thịnh Kỳ

TT	Tên Trạm	Địa chỉ	Sông	Yếu tố quan trắc	Ghi chú
6	Cầu Vàng	Xã Hoàng Đan, H. Tam Dương	Nhánh Sông Phan	Mức nước, Lượng mưa	Tại cầu Vàng (gần chùa Vàng)
7	Đồng Lạc	Xã Đồng Văn, H. Yên Lạc	Sông Phan	Mức nước, Lượng mưa	Tại khu vực thôn Đồng Lạc
8	Cầu Tam Canh	TT Hương Canh, H. Bình Xuyên	Sông Phan	Mức nước, Lượng mưa	Tại khu vực cầu Tam Canh
9	Vũ Di	Xã Vũ Di, H. Vĩnh Tường	Sông Phan	Mức nước, lượng mưa	
10	Cống Bảy Cửa	TT. Yên Lạc, H. Yên Lạc	-	Mức nước, Lượng mưa	Tại thượng lưu cống Bảy Cửa

II. GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Trạm quan trắc thủy văn kết hợp quan trắc lượng mưa

TT	Tên Trạm	Địa chỉ	Hệ thống sông, hồ	Yếu tố quan trắc	Ghi chú
1	Hồ Đồng Mỏ	Xã Liễn Sơn, H. Lập Thạch	Hồ Đồng Mỏ	Mức nước; Lượng mưa	
2	Hồ Nhà Thị	Xã Liễn Sơn, H. Lập Thạch	Hồ Nhà Thị	Mức nước; Lượng mưa	
3	Hồ Đa Mang	Xã Văn Quán, H. Lập Thạch	Hồ Đa Mang	Mức nước; Lượng mưa	
4	Hồ Ngọc Hoa	Xã Ngọc Mỹ, H. Lập Thạch	Hồ Ngọc Hoa	Mức nước; Lượng mưa	
5	Hồ Thiên Linh	Xã Xuân Hòa, H. Lập Thạch	Hồ Thiên Linh	Mức nước; Lượng mưa	
6	Hồ Đá Ngang	Xã Bạch Lưu, H. Sông Lô	Hồ Đá Ngang	Mức nước; Lượng mưa	

TT	Tên Trạm	Địa chỉ	Hệ thống sông, hồ	Yếu tố quan trắc	Ghi chú
7	Hồ Mắc Me	Xã Nhân Đạo, H. Sông Lô	Hồ Mắc Me	Mức nước; Lượng mưa	
8	Hồ Số Rộng	Xã Bạch Lưu, H Sông Lô	Hồ Số Rộng	Mức nước; Lượng mưa	
9	Hồ Ngọc Đá	Xã Yên Thạch, H. Sông Lô	Hồ Ngọc Đá	Mức nước; Lượng mưa	
10	Hồ Vực Xanh	Xã Đức Bắc, H. Sông Lô	Hồ Vực Xanh	Mức nước; Lượng mưa	
11	Hồ Hương Đà	Xã Thiện Kế, H. Bình Xuyên	Hồ Hương Đà	Mức nước; Lượng mưa	
12	Đầm Rung	TT Tứ Trung, H. Vĩnh Tường	Đầm Rung	Mức nước; Lượng mưa	Đặt gần Trạm Y tế TT Tứ Trung
13	Hồ Thanh Cao	Xã Ngọc Thanh, TP. Phúc Yên	Hồ Thanh Cao	Mức nước; Lượng mưa	

2. Trạm quan trắc lượng mưa

TT	Tên Trạm	Địa chỉ	Yếu tố quan trắc	Ghi chú
1	Nghĩa Hưng	Xã Nghĩa Hưng, H. Vĩnh Tường	Lượng mưa	
2	Tam Phúc	Xã Tam Phúc, H. Vĩnh Tường	Lượng mưa	
3	Vân Xuân	Xã Vân Xuân, H. Vĩnh Tường	Lượng mưa	
4	Đại Tự	Xã Đại Tự, H. Yên Lạc	Lượng mưa	
5	Hồng Châu	Xã Hồng Châu, H. Yên Lạc	Lượng mưa	